

NGUYÊN NHÂN DU CANH DU CƯ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TRẦN HỮU SƠN

Ở vùng cao Bắc Hà, du canh du cư là vấn đề quan trọng và cấp bách. Vấn đề du canh du cư tác động đến mọi lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng. Khi tìm hiểu tình hình du canh du cư, có nhiều ý kiến khác nhau, có người cho rằng du canh du cư là tập quán của người Hmông, có người lại cho rằng du canh du cư là hậu quả của đời sống khó khăn v.v... Vậy nguyên nhân chủ yếu của du canh du cư là gì ? Đó là những vấn đề chúng tôi đề cập trong bài này.

Một vấn đề bức xúc đang diễn ra ở vùng người Hmông Bắc Hà là bùng nổ du canh du cư. Năm 1979, Bắc Hà có 870 người du canh du cư, năm 1982 có 1.290 người từ Bắc Hà di cư đi Văn Bàn và Bảo Thắng. Ba năm : 1983 - 1985 Bắc Hà có 4.743 người di cư. Từ năm 1986 đến năm 1996 Bắc Hà có 15.872 người di cư. Từ năm 1986, Bắc Hà có 1.500 người di cư của tỉnh Hoàng Liên Sơn trước đây và tỉnh Lào Cai hiện nay. Địa bàn di cư đến của người Hmông trong thập kỷ 70, 80 là nội tỉnh mà chủ yếu là các huyện vùng thấp, miền Tây. Đến thập kỷ 90, người Hmông Bắc Hà di cư vào Thanh Hoá, Lai Châu, Vĩnh Phú ... thậm chí một số hộ còn di cư đến miền Nam và sang cả bên Lào. Tình trạng di cư tự phát gây khó khăn về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng cho cả nơi đi và nơi đến.

I. NGUYÊN NHÂN TÌNH TRẠNG DU CANH DU CƯ

1. Nguyên nhân chủ yếu là phương thức sản xuất truyền thống của người Hmông không còn thích hợp với điều kiện rừng và đất canh tác đã cạn kiệt. Phương thức canh tác của người Hmông là làm nương rẫy theo quy trình chặt cây - đốt nương - cây ải. Người Hmông ở Bắc Hà có các loại nương cụ thể như sau :

- *Nương bằng* : Chọn khu rừng tương đối bằng phẳng hoặc ở các thung lũng hẹp, đốn cây rẫy cỏ và đốt. Sau đó tiến hành cày nương. Chiếc cày của người Hmông khá độc đáo, gọi là "lày té". Cày nương thô, khoẻ, thân cày "dua vòng" ngắn kể cả phần đế chỉ dài hơn 70 cm.

Thân ngắn tạo điều kiện dễ dàng ở địa hình chật hẹp và giúp người cày có thể nhanh chóng nhấc cây lên khi có dấu hiệu luống cày vấp phải đá và rễ cây. Bắp cày làm bằng loại gỗ cứng, được cấu tạo cong, thô và chắc ; được đóng cố định với thân cày thành một khối bất động, do vậy việc điều khiển cho cày ặt nông, sâu là tùy thuộc vào thao tác của người sử dụng khi nhấc cây lên hoặc ấn chóp cày xuống. Luống cày được luyện kỹ vừa cứng vừa dẻo không hay bị mẻ vỡ khi va vào đá. Với kỹ thuật chế tác

ây, chiếc cày Hmông có thể cày trên nền đất tương đối dốc, nhiều rễ cây. Cày Hmông có khả năng cày sâu từ 10 - 15 cm, cắt đứt được các rễ cây cỏ tranh. Xung quanh nương cày, đồng bào đào rãnh thoát nước và be bờ bằng đá đất, nhằm giữ màu cho nương, tạo điều kiện canh tác lâu dài.

Nương bằng ít xói mòn nên có thể canh tác được lâu dài từ 20 - 30 năm, thậm chí được lâu hơn nữa. Song ở vùng cao, địa hình chia cắt mạnh nên diện tích để làm nương bằng (cũng như ruộng bậc thang) không nhiều, hầu hết diện tích đã được đồng bào khai thác, tận dụng triệt để.

- *Nương dốc* : Là những loại nương núi đất có độ dốc cao gọi là "té xá" hoặc là nương có các hốc đá, có các hũm đất lớn "dầu té", công cụ chủ yếu để làm đất ở đây là cuốc buồm "lâu", lưỡi cuốc quắp chũm, có tác dụng vừa để xới cỏ, vừa để múc đất vun góc cho cây. Nương dốc là loại nương chủ yếu ở vùng Lào Cai. Nương dốc thường được làm từ rừng già (loại nương dốc có đất màu mỡ nhất) hoặc rừng tái sinh. Mỗi đám nương thường được trồng từ 2 - 3 vụ lúa hoặc ngô sau lại trồng một vụ đậu để phục hồi độ phì của đất. Tiếp theo sẽ trồng một vụ ngô nữa. Cuối cùng họ lại trồng một vụ mạch và ý dĩ rồi mới bỏ đi. Trong quá trình gieo trồng, đồng bào tích cực làm cỏ bón phân (bón cả phân hoá học, phân chuồng khô) để kéo dài tuổi thọ của nương từ 5 - 7 năm. Khi đất bị xói mòn kiệt màu, chỉ có cỏ tranh mới mọc nổi, rừng cây cũng khó

tái sinh. Có nơi đất trở hết chỉ còn đá, đồng bào bổ thêm đất, xếp đá chống xói mòn, gọi là nương thổ canh hốc đá "té kho đế" cũng kéo dài thêm được 5 năm.

- *Ruộng bậc thang* : Ở những vùng có nguồn nước phong phú đồng bào khai thác các quả đồi thành những ruộng bậc thang với bề ngang hẹp nhiều nơi chỉ rộng 2 m, bề dài ôm theo sườn núi. Ruộng bậc thang ít phát triển ở Bắc Hà. Như vậy, các hình thái canh tác của người Hmông có biện pháp kỹ thuật thâm canh cao : dùng công cụ làm đất sắc bén (cày, cuốc buồm) có nhiều biện pháp chống xói mòn sơ khai (xếp đá làm bờ, xen canh gối vụ...) lựa chọn tập đoàn cây giống thích hợp : ngô, lúa, ý dĩ, đậu..., song phương thức canh tác truyền thống này cũng để lại nhiều hậu quả về môi trường, dẫn đến tình trạng thiếu đất canh tác.

Nạn phá rừng làm nương phát triển mạnh dẫn đến diện tích rừng bị cạn kiệt, không còn rừng để làm nương.

Vì ở vùng cao diện tích đất để làm nương bằng (có độ dốc dưới 12 độ) và ruộng bậc thang không nhiều, chủ yếu phải làm nương dốc (thường trên 20 độ), phải khai phá những cánh rừng già, rừng tái sinh mới làm được nương. Việc chặt cây và đốt rẫy làm nương là nguồn gốc chính gây ra nạn phá rừng. Riêng huyện Bắc Hà trong 20 năm (1966 - 1986) đã mất 18.402 ha rừng. Tuy nhiên từ năm 1989, nhờ tăng vốn trồng rừng, diện tích rừng mới trồng có tăng nhưng rất chậm. Năm 1966 Bắc Hà có 24.150 ha rừng đến năm 1986 chỉ còn 5.700,48 ha và đến năm 1993 là 9.090 ha.

Đất canh tác các vùng cao bị bào mòn nghiêm trọng :

Do hết rừng, do độ dốc quá cao (chủ yếu trên 20 độ) địa hình chia cắt mạnh, mùa mưa lại có lượng mưa quá lớn (chiếm từ 73 - 83% cả năm) nên đất dễ bị bào mòn. Mặt khác, ngay công cụ làm đất của người Hmông cũng dẫn đến đất dễ bị bào mòn hơn. Gậy chọc lỗ, phương tiện canh tác truyền thống của người Hmông làm cho tài nguyên đất, nước bị giảm sút chất lượng nhanh chóng. Một mặt các chất dinh dưỡng NPK bị thấm thấu theo nước xuống các tầng dưới, dưới ảnh hưởng của trọng lực, các chất dinh dưỡng bị đẩy xuống những lớp đất sâu nhất là các chất dễ tan. Ngược lại, các chất độc hại gây cho cây như Fe, Al lại tràn từ dưới đất lên làm cho độ phì của đất giảm. Mặt khác, các chất mùn của tầng mặt bị cuốn theo nước chảy tràn làm cho phần canh tác ngày càng mỏng và bị cạn kiệt. Ở độ dốc từ 18 - 20 độ, đất có rừng mỗi năm bị trôi một tấn đất / một km². Còn ở đất trồng ngô mất từ 150 tấn. Hàng năm bình quân đất làm nương rẫy bị bào mòn từ 1,5 cm - 1,8 cm, có nghĩa là trên một km² nước mưa đã cuốn đi 30 - 40 tấn đạm, 10 - 15 tấn lân, 12 - 18 tấn kali, hoặc mỗi một héc ta mỗi năm mất từ 300 - 400 kg(1) lượng đạm bón vào đất (nhưng hiện nay người Hmông thường bón là 30kg/ha) trong 10 năm liền theo tính toán của các nhà Thổ nhưỡng học, hệ số bào mòn ở lưu vực sông Đà trung bình là 1.120 tấn / 1km², ở sông Thao

là 640 tấn/1 km². Do làm nương rẫy, diện tích rừng bị mất, diện tích đất trống đồi núi trọc tăng nhanh.

Biểu 1 : Diện tích đất trống đồi trọc bạc màu (đất chết) của Bắc Hà năm 1986

DVT : ha

Tên xã	Tổng diện tích	Đất chết
Huyện Bắc Hà	92.132	48.613
Nậm Xín	2.120	996
Thào Chu Phìn	2.596	1.568
Lử Thần	2.010	1.237
Lùng Sui	2.075	1.378
Lùng Phình	2.748	1.449

Vì vậy, năng suất ngô đá của địa phương trong năm đầu ở nương dốc (phát đốt rừng già) là 15 - 16 tạ một ha. Năm thứ 2 chỉ còn 8 - 10 tạ một ha, năm thứ 3 chỉ còn 3 - 5 tạ một ha.

Tóm lại, phương thức canh tác của người Hmông chỉ thích hợp khi rừng còn bạt ngàn như cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Còn hiện nay, phương thức sản xuất này gây nên tài nguyên rừng cạn kiệt, đất canh tác bị thoái hoá nghiêm trọng, dẫn đến tình trạng người Hmông không còn đất canh tác, họ phải du canh du cư tìm đến đất mới. Thời kỳ đầu, người Hmông làm nương ngay gần nhà, về sau đất cạn kiệt phải thâm canh làm nương cách nhà khoảng 15 - 20 km (du canh). Cuối cùng vùng đất đó cũng

1) Nguyễn Văn Đỗ Đình Thuận Các loại đất chính ở nước ta, Khoa học kỹ thuật, H, 1997, tr. 28

hết màu, đồng bào du canh du cư. Du cư là hậu quả của phương thức sản xuất phát rừng làm nương này. Vì vậy nhiệm vụ trung tâm bảo vệ môi trường ở Lào Cai là vấn đề bảo vệ rừng.

Năm 1986, chúng tôi điều tra 170 hộ du cư ở Bắc Hà cho thấy 93 Số hộ di cư là do nương rẫy bạc màu, không có ruộng nước hoặc quá ít ruộng nước. Năm 1993, chúng tôi điều tra 168 hộ Bắc Hà và Sa Pa di cư sang Văn Bàn có đến 82 hộ nương bị bạc màu, 42 hộ không có ruộng nước và 43 hộ có ruộng nước nhưng quá ít. Như vậy, nguyên nhân chủ yếu của di cư là do phương thức sản xuất không thích hợp dẫn đến thiếu đất canh tác.

2. Nguyên nhân thứ hai : do tốc độ tăng dân số quá nhanh, bình quân đất canh tác quá thấp buộc phải di cư

Ở vùng người Hmông tốc độ tăng dân số quá nhanh, nhanh nhất so với các dân tộc khác ở Lào Cai. Do kinh tế cần nhiều sức lao động cơ bắp, nhu cầu về lao động càng lớn, cùng với trình độ dân trí còn thấp (đồng bào hầu hết chưa hiểu về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình) nên tỷ lệ tăng dân số người Hmông hàng năm tăng từ 3,2 - 3,8%. Tỷ lệ sinh của người Hmông khá ổn định từ 4,5 - 5,5%, bình quân mỗi cặp vợ chồng có từ 7,9 - 8,3 con...

Năm 1943 toàn tỉnh Lào Cai người Hmông có 16.374 người, năm 1960 tăng lên 36.679 người và hiện nay là 98.894 người. Huyện Bắc Hà (cả Xi Ma Cai) năm 1939 có 16.246 người, năm 1960

có 19.314 người. Năm 1989 đã tăng lên 40.859 người.

Biểu 2 : Dân số Hmông

Các địa phương	Năm 1960 (người)	Năm 1989 (người)
Toàn tỉnh Lào Cai	36.679	98.894
Bắc Hà	19.314	40.859
Sa Pa	6.435	14.507
Bát Sát	4.883	11.371
Mường Khương	5.625	12.508

Dân số vùng người Hmông bùng nổ vào những năm 1905 - 1909 (Số người sinh ra trong các năm này tăng gấp 2 - 3,5 lần) so với số người sinh ra các năm 1900 - 1904. Chỉ 10 năm sau (1915 - 1919) số người Hmông lại tăng gấp từ 1,3 - 1,5 lần so với 5 năm trước (1910 - 1914). Đặc biệt từ năm 1960 đến nay người Hmông đều tăng nhanh (xem Biểu 2).

Sự bùng nổ dân số dẫn đến tình trạng dân số tăng nhanh. Năm 1959, ở vùng cao Bắc Hà mật độ dân số là 29 người/1 km² nhưng đến năm 1989 là 68 người/1 km² (xem biểu mật độ dân số Bắc Hà - biểu 3). Hiện nay có 82 người/km².

Biểu 3 : Mật độ dân số Bắc Hà

Tên xã	1959 (người /1 km ²)	1959 (người /1 km ²)	1959 (người /1 km ²)	1959 (người /1 km ²)
Huyện Bắc Hà	29	60	68	80
Xã Cán Hồ	25	86	112	157
Xã Quan Thần Sán	87	114	25	243

Với nền kinh tế nương rẫy, bình quân mỗi km² chỉ có khả năng nuôi sống được từ 5 đến 10 người, có như vậy rừng mới kịp tái sinh và có đất canh tác theo phương thức này. Nhưng hiện nay ở vùng cao, thống kê ở 37 xã tập trung người Hmông thuộc 2 huyện Mường Chải và Bắc Hà cho thấy chỉ có một xã dưới 10 người / 1 km², 12 xã từ 10 - 30 người / 1 km² và có năm xã từ 30 - 70 người / 1 km², 6 xã từ 70 - 100 người / 1 km² và có 5 xã từ 100 - 200 người / 1 km² đều tập trung chủ yếu ở Bắc Hà. Điều này góp phần lý giải vì sao người Hmông ở Bắc Hà di cư nhiều như vậy. Vùng cao, đất có thể dùng cho sản xuất nông nghiệp còn quá ít. Ở Bắc Hà trong tổng số 92.132 ha đất thì đất có khả năng sản xuất nông nghiệp (dưới 12 độ pH chỉ còn 18%). Vì vậy khi bùng nổ dân số, mật độ dân số càng cao thì tỷ lệ đất dùng cho canh tác nông nghiệp càng thấp. Bình quân đất gieo trồng cho người ở vùng cao Lào Cai năm 1960 là 0,208 ha, 1963 là 0,35 ha, năm 1986 chỉ còn 0,17 ha.

Biểu 4 : Bình quân gieo trồng theo đầu người

ha

Huyện	Đất màu trồng ngô	Bình quân đất GT cho đầu người
Sa Pa	2.150	0.17
Bắc Hà	7.221	0.18
Bất Sát	16.89	0.19
Mường Khương	602	0.28

3. Nguyên nhân thứ ba : đời sống gặp nhiều khó khăn.

Đất bạc màu, rừng cạn kiệt, dân số tăng nhanh dẫn đến tình trạng người nông dân Hmông sống cuộc sống đầy vất vả thiếu thốn trầm trọng.

Do cường độ lao động cơ bắp lớn, địa hình vùng cao phải leo trèo nhiều nên tốn nhiều năng lượng, dẫn đến tình trạng cần phải dùng lương thực nhiều hơn. Mặt khác lương thực dùng cho chăn nuôi và các nghi lễ gia đình như ma chay, cầu cúng, cưới xin... cũng tiêu thụ nhiều lương thực. Qua điều tra 120 hộ dân huyện Bắc Hà (xã Lử Thần và xã Bản Phố), chúng tôi được biết mức bình quân lương thực đủ ăn của một đầu người trong một năm là : 380 kg đến 400 kg lương thực quy thóc. Nhưng thực tế năng suất lương thực ở vùng cao rất thất thường (hầu hết phụ thuộc vào thời tiết) và nhìn chung là thấp.

Mức sống, mức thu nhập của người Hmông là thấp nhất so với các dân tộc khác. Mức sống giảm sút như vậy là nguyên nhân quan trọng khiến người Hmông phải du canh du cư, phá tiếp rừng ở những vùng còn rừng để làm nương rẫy.

Bên cạnh những nguyên nhân chính như trên đã trình bày, nạn du canh du cư của người Hmông còn do một số nguyên nhân khác :

- Nghe lời các trưởng họ, anh em rồi di cư (3/31 hộ)
- Xích mích dòng họ, gia đình buộc phải di cư (2/90 hộ)

4. Người Hmông không thích du canh du cư

Đồng bào có tục ngữ :

"Mùa chí phìa, phìa chí tù" - có nghĩa là giàu chuyển thì nghèo, nghèo chuyển thì chết.

Do đó du canh du cư chỉ là những tình thế bắt buộc đối với đồng bào. Nhưng người Hmông là một dân tộc, có đặc điểm tâm lý tộc người kiên cường, không khuất phục trước khó khăn. Đặc điểm này cùng với lối sống phóng khoáng, khi cần thiết, dù là di cư gian khổ, nhưng nếu đến vùng đất mới có điều kiện canh tác, họ cũng sẽ di cư.

Tâm lý phóng khoáng dám làm, dám di cư, dù gian khổ không ngại ngừng tuy không phải là nguyên nhân trực tiếp mà là điều kiện để họ di cư.

II. NHỮNG KIẾN NGHỊ VÀ BIỆN PHÁP ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ

Vấn đề định canh định cư là vấn đề phức tạp và khó khăn. Gần 30 năm qua, nhà nước đã chi rất nhiều kinh phí cho sự nghiệp định canh định cư nhưng hiệu quả không đạt được như mong muốn. Nguyên nhân chủ yếu là chỉ giải quyết những vấn đề thứ yếu (khai thác thêm ruộng nước, đầu tư xây dựng vùng định canh định cư...). Trong khi đó, những nguyên nhân nảy sinh du canh du cư lại không được giải quyết đồng bộ và triệt để. Vì vậy, để tiến hành định canh định cư phải áp dụng giải pháp mang tính tổng thể cả về mặt kinh tế - xã hội - văn hoá với các yêu cầu chủ yếu sau :

1. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến du canh du cư ở Bắc Hà là phương thức sản xuất lương thực theo kiểu "chặt đốt" không còn thích hợp. Do đó phải chuyển phương thức canh tác của người Hmông :

- Vùng khó khăn nhất, tiến hành giao đất, giao rừng cho dân, đầu tư kinh phí cho nhân dân trồng và giữ rừng (có chính sách đầu tư toàn bộ lương thực cho cư dân trồng rừng).

- Vùng có điều kiện phát triển tập đoàn cây ăn quả kết hợp và trồng cây ăn quả với thâm canh diện tích đất trồng lương thực, chuyển dịch dần cơ cấu kinh tế từ sản xuất lương thực sang trồng cây ăn quả là chính, trồng lương thực là phụ.

2. Kết hợp với các giải pháp về nâng cao dân trí, xoá mù chữ, thực hiện kế hoạch hoá dân số, xây dựng gia đình văn hoá, làng bản có nếp sống văn hoá.

3. Trong thời gian tới cần khẩn trương nghiên cứu và áp dụng một số giải pháp tình thế nhằm làm giảm nguy cơ di dân tự do. Trong số đó coi trọng giải pháp nghiên cứu có kế hoạch chủ động dân dân, đưa người Hmông đến các vùng có điều kiện canh tác ruộng nước, trồng cây đặc sản phát triển sản xuất. Các vùng này ở các huyện bạn, hoặc tỉnh bạn (nhất là các tỉnh phía Nam). Một giải pháp tình thế khác là tăng cường đầu tư thâm canh : Lựa chọn tập đoàn cây giống lương thực có năng suất cao, đưa phân hoá học và phân vi sinh kéo dài hệ số canh tác ở các nương bằng.